

HIỆN ĐẠI HÓA THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI: THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN

ThS Trần Nữ Quế Phương

Thư viện Quân đội

Tóm tắt: Trên cơ sở phân tích hiện trạng lý giải sự cần thiết của việc hiện đại hóa hoạt động thông tin-thư viện của Thư viện Quân đội. Nêu rõ các mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, quá trình và xu hướng của công việc này.

Từ khóa: Hiện đại hóa; Hoạt động thông tin-thư viện, Thư viện Quân đội.

Modernization of the Army Library: Real state and developmental orientation

Summaries: Interpretes the necessity of modernizing library and information activities of the Army Library on the basis of the state-of-the-art analysis; makes clear targets, principles, content, process and orientation of the modernization.

Keywords: Modernization; Library and information activity; Army Library.

Thư viện Quân đội (TVQĐ), thư viện đầu ngành của hệ thống thư viện toàn quân, những năm qua đã có nhiều cố gắng trong cải tiến tổ chức và hoạt động. Tuy nhiên, so với các thư viện lớn trong và ngoài nước, TVQĐ vẫn chưa đạt mức phát triển ngang tầm, chưa đáp ứng được yêu cầu hiện đại hóa (HĐH) quân đội nói riêng và sự nghiệp công nghiệp hóa (CNH), HĐH đất nước nói chung. Bởi vậy, việc HĐH TVQĐ đang là đòi hỏi thực tế, mà để đáp ứng, cần có quan điểm phát triển phù hợp. Bài viết này góp phần đưa ra câu trả lời cho một số câu hỏi liên quan đến vấn đề này như HĐH là gì? Mục tiêu, nguyên tắc, nội dung của HĐH thư viện là gì? Quá trình HĐH TVQĐ diễn ra như thế nào? Xu hướng phát triển ra sao?

1. Khái niệm HĐH trong hoạt động thông tin-thư viện (TT-TV)

Thuật ngữ HĐH (tiếng Anh modernization, tiếng Pháp *moderniser*) được trình bày trong nhiều tài liệu, ví dụ trong [8,17] đều nhấn mạnh “có một sự đối lập rõ rệt giữa xã

hội trước và sau HĐH”, “nhân tố quyết định của HĐH là vượt qua, thay thế những giá trị truyền thống để trở thành tiên tiến hơn”. Trong các văn kiện của Đảng ta cũng đã xác định: “Tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại” [4], và cụm từ “CNH, HĐH” hoặc “sự nghiệp/quá trình CNH, HĐH” thường được nhắc lại với nội dung xác định. Trong *Từ điển tiếng Việt*, “*Hiện đại*” nghĩa là có áp dụng những phát minh, những thành tựu mới của khoa học, kỹ thuật đối lập với cổ điển. HĐH là làm cho mang tính chất của thời đại mới; làm cho trở thành có đầy đủ mọi trang bị, thiết bị của nền công nghiệp hiện đại [16]. Hiện đại ở đây được hiểu là trình độ của lực lượng sản xuất, cơ sở vật chất kỹ thuật, quan hệ sản xuất hiện đại và tiến tiến. HĐH là nâng cao trình độ và năng lực của lực lượng sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất góp phần phát triển xã hội từ lạc hậu, thấp kém thành xã hội hiện đại với lực

lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và cơ sở vật chất tương ứng. Như vậy, HĐH “bao trùm lên cả CNH”. Và đây chính là nghĩa thông thường nhất của hai cụm từ “hiện đại” và “HĐH”.

Trong hoạt động TT-TV khái niệm HĐH có thể được hiểu trên bình diện của sáu nội dung sau [8]:

- HĐH cơ sở lý thuyết (lý luận về khoa học TT-TV);
- HĐH cơ sở pháp lý của hệ thống (hoàn chỉnh về chính sách TT-TV);
- HĐH nội dung thông tin thông tin (nguồn, loại, xử lý và chất lượng thông tin);
- HĐH hình thức và phương thức hoạt động thông tin;
- HĐH cơ sở vật chất kỹ thuật;
- HĐH về tổ chức.

HĐH hệ thống TT-TV nhằm đáp ứng ba yêu cầu: tính hệ thống, tính tiên tiến, tính hiệu quả. Vì vậy, hoạt động HĐH của một cơ quan hay của một hệ thống TT-TV sẽ chỉ đầy đủ và toàn diện khi được nghiên cứu theo sáu nội dung trên, và sẽ là khiếm khuyết nếu chỉ được xem xét ở khía cạnh kỹ thuật.

2. Thực trạng HĐH TVQĐ

Nội dung HĐH được hiểu toàn diện như vậy, tuy nhiên, quá trình tiến hành HĐH không nhất thiết phải được thực hiện đồng bộ, đầy đủ các nội dung nêu trên. Tùy vào điều kiện, yêu cầu và mục tiêu cụ thể của mỗi cơ quan trong từng thời điểm mà các nội dung ưu tiên HĐH được chọn lựa khác nhau. Đối với TVQĐ, quá trình HĐH được chia ra ba giai đoạn chính như sau:

• *Giai đoạn 1993 - 1998*: từ năm 1993, TVQĐ bắt đầu sử dụng máy tính trong việc tạo lập các CSDL thư mục chuyên đề. Tuy nhiên, công tác tin học khi đó vẫn còn là

lĩnh vực hết sức mới mẻ, trang thiết bị còn sơ sài nên hiệu quả ứng dụng chưa cao.

• *Giai đoạn 1998 - 2005*: tháng 3/1998, TVQĐ bắt đầu xây dựng CSDL thư mục. Năm 2002, xây dựng mạng nội bộ. Từ tháng 01/2003, TVQĐ nối mạng với *Mạng Thông tin Khoa học Quân sự – Bộ Quốc Phòng* (MISTEN). Đầu năm 2004, xây dựng trang web phục vụ TT/TL của TVQĐ trên mạng MISTEN. Cuối năm 2004, ứng dụng phần mềm *Quản lý thư viện điện tử* - MYLIB.

• *Giai đoạn 2005 - đến nay*: cuối năm 2005, nâng cấp phần mềm MYLIB với tên gọi mới ESYLIB. Cuối năm 2006, xây dựng phòng đọc điện tử, nối mạng Internet để phục vụ cho công tác nghiệp vụ của TVQĐ; xây dựng CSDL toàn văn và số hoá tài liệu, xây dựng trang web nội bộ của TVQĐ trên mạng LAN. Cuối năm 2006, triển khai thực hiện giai đoạn 1 dự án “Đầu tư nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và nghiên cứu khoa học tại TVQĐ” (nâng cấp phần mềm quản lý thư viện điện tử, trang thông tin điện tử của TVQĐ trên mạng MISTEN, xây dựng đường truyền cáp quang nối với mạng MISTEN,...). Đầu năm 2007, tiếp nhận và triển khai ứng dụng giai đoạn 2 của dự án và chính thức khai trương *Phòng đọc điện tử*. Cuối năm 2009, nâng cấp phần mềm với tên phiên bản mới là INFORLIB, trong đó có bổ sung module quản lý tài liệu toàn văn. Cuối năm 2011, áp dụng thử phần mềm quản lý tài liệu số (TLS) D-Lib. Đầu năm 2012, TVQĐ chính thức được phê duyệt dự án “Đầu tư xây dựng trụ sở thư viện hiện đại”. Cuối năm 2012, TVQĐ chính thức khai trương trang web của mình trên mạng Internet.

Sau gần 20 năm thực hiện HĐH, đến nay, TVQĐ đã đạt được một kết quả tương đối khả quan như sau.

Nghiên cứu - Trao đổi

(1), Xây dựng được nguồn lực thông tin điện tử tương đối phong phú và đa dạng. Cụ thể là:

- Xây dựng các CSDL:

CSDL thư mục: CSDL sách, luận án, luận văn, tư liệu (TL của tổng kho) với gần 110.000 biểu ghi; CSDL Bài trích báo - tạp chí: trên 23.000 biểu ghi; CSDL Tên báo - tạp chí: 1500 biểu ghi. *CSDL dữ kiện:* CSDL Dữ kiện bạn đọc: hơn 2400 biểu ghi. *CSDL toàn văn:* CSDL toàn văn sách điện tử phổ biến: hơn 1500 biểu ghi; CSDL tư liệu hạn chế (TL mật): hơn 400 biểu ghi,....

- Trang thông tin điện tử: cùng với ba hệ thống mạng LAN, mạng Intranet - MISTEN và mạng Internet, TVQĐ đã xây dựng được ba trang thông tin điện tử: Trang thông tin điện tử trên mạng LAN ; Trang thông tin điện tử trên mạng MISTEN; Trang thông tin điện tử trên mạng Internet.

- Các ấn phẩm điện tử đa phương tiện: CD, VCD, băng VIDEO,... về các trang thiết bị, vũ khí, trận đánh, chiến dịch, của quân đội trong và ngoài nước.

- Các bộ sưu tập số: gồm các bộ sưu tập số về *Kháng chiến chống Mỹ; Biển - Đảo Việt Nam; Chiến dịch Quảng Trị năm 1972; Biên phòng; Chiến dịch phòng không năm 1972; Kháng chiến chống Pháp* (đang tiến hành).

(2), Cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư kịp thời và đúng hướng

Ngoài các trang thiết bị cơ bản như máy tính, máy in, máy photocopy,... TVQĐ được đầu tư các trang thiết bị hiện đại để phục vụ các hoạt động nghiệp vụ như: máy scan BCS Bookeyes, máy in mã vạch, in phích, in tài liệu, in thẻ nhựa (làm thẻ bạn đọc), máy đọc mã vạch, máy ảnh, máy chiếu, và nhiều trang thiết bị kỹ thuật khác phục vụ công tác nghiệp vụ tại TVQĐ.

(3), Ứng dụng các phần mềm quản lý thư viện và chuẩn nghiệp vụ hiện đại

Cùng với việc ứng dụng hai phần mềm quản lý thư viện điện tử và quản lý tài liệu số như đã nêu ở trên, trong quá trình HĐH hoạt động TT-TV, TVQĐ đã từng bước áp dụng các chuẩn, quy tắc nghiệp vụ truyền thống và hiện đại như: quy tắc mô tả MARC 21; quy tắc mô tả DUBLIN CORE (mô tả TLS: file toàn văn điện tử, File nhạc, đĩa CD ROM,...); chuẩn biên mục ISBD; khung phân loại 19 lớp của Thư viện Quốc gia Việt Nam dành cho các thư viện công cộng; Ứng dụng mã vạch trong quản lý TL tại kho mở,...

Trong tiến hành HĐH, TVQĐ đã có những bước tiến đáng kể về mặt tổ chức, biên chế, nguồn lực thông tin, cơ sở vật chất, trang thiết bị, trình độ cán bộ, cơ sở pháp lý, phương thức hoạt động,... Tuy nhiên, kết quả của quá trình HĐH TVQĐ vẫn còn ở mức khiêm tốn. Thực tiễn cho thấy, việc tiếp tục phát triển và HĐH TVQĐ trong thời gian tới sẽ còn gặp nhiều khó khăn, vì hiện nay, quân đội chưa có chính sách cụ thể về xây dựng và phát triển thư viện điện tử; thiếu một dự án tổng thể về HĐH các thư viện trong quân đội nói chung và TVQĐ nói riêng; hoạt động HĐH còn mang tính tự phát, chưa nhất quán cả về tư duy hệ thống lẫn quy trình nghiệp vụ; thiếu phương pháp luận mang tính khoa học; việc phối hợp, liên kết trong quá trình thực hiện HĐH hoạt động TT-TV giữa thư viện đầu ngành với các cơ quan TT-TV trong toàn quân chưa được chặt chẽ, mang tính hình thức, kém hiệu quả;... Những hạn chế trên đây đòi hỏi TVQĐ sớm có cách tiếp cận mang tính hệ thống về HĐH hoạt động TT-TV để có hướng đi phù hợp trong thời gian tới.

Pháp lệnh Thư viện và Nghị định 72/2002/NĐ-CP của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thư viện [1,2], đã chỉ rõ: “Đầu tư để đảm bảo cho các thư viện hưởng ngân sách nhà nước hoạt động, phát triển và từng bước HĐH cơ sở vật chất - kỹ thuật, điện tử hóa, tự động hóa thư viện,...” và đầu tư tập trung cho một số thư viện có vị trí đặc biệt quan trọng, trong đó có TVQĐ.

Trong quyết định phê duyệt *Quy hoạch phát triển ngành Thư viện Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*, đã xác định: “Ứng dụng khoa học công nghệ cao nhằm tự động hóa, HĐH trong các khâu hoạt động của thư viện. Phát triển thư viện điện tử và thư viện kỹ thuật số”; Riêng đối với Thư viện lực lượng vũ trang, mà cụ thể là hệ thống thư viện quân đội, đã ghi rõ: Phải được đầu tư, nâng cấp, cải tạo và HĐH, trước hết là Thư viện Trung ương Quân đội, các thư viện thuộc các Quân khu, Quân đoàn, Quân binh chủng trở thành thư viện điện tử, nối mạng Intranet và Internet, số hóa 1/3 tài liệu quân sự của nước ta nhằm đáp ứng nhu cầu an ninh, quốc phòng của đất nước và nâng cao trình độ về mọi mặt của cán bộ, chiến sĩ trong quân đội; tổ chức lại hệ thống thư viện quân đội; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống; xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí hoạt động, kinh phí bổ sung sách báo cho các thư viện trong toàn quân; đào tạo nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân viên thư viện trong hệ thống, bảo đảm đáp ứng yêu cầu hoạt động; xác lập mối quan hệ hợp tác chặt chẽ, có hiệu quả với các hệ thống thư viện khác; góp phần tổ chức tốt cơ dân trên địa bàn [3].

3. Phương hướng HĐH TVQĐ

Trước yêu cầu, nhiệm vụ của sự nghiệp

cách mạng và sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, trước những thuận lợi, khó khăn, thời cơ và thách thức trong thời kỳ phát triển kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế có tính chất toàn cầu hệ thống thư viện quân đội nói chung và TVQĐ nói riêng cần phải có những quan điểm mới về HĐH hoạt động TT-TV đáp ứng các nội dung chủ yếu sau:

Một là, mục tiêu của HĐH. Việc HĐH TVQĐ cần nhằm vào các mục tiêu: Nhanh chóng tạo lập cho quân đội một nguồn lực TT đủ mạnh và an toàn đáp ứng các yêu cầu phát triển của quân đội, nâng cao năng lực khai thác và sử dụng nguồn lực TT trong quá trình HĐH QĐ; Thúc đẩy quá trình trao đổi thông tin tài liệu và tương tác TT trong toàn quân trên cơ sở CNTT mới và các chuẩn nghiệp vụ TT-TV tiên tiến; Xây dựng TVQĐ là thư viện trung tâm, đầu ngành với đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn vững vàng, chuyên sâu và lành nghề; nguồn lực TT chất lượng, phong phú; Thúc đẩy việc cung cấp và đảm bảo thông tin tài liệu phục vụ có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quá trình HĐH quân đội và hội nhập của đất nước.

Hai là, nguyên tắc tổ chức, xử lý thông tin. HĐH TVQĐ được xây dựng dựa trên các nguyên tắc: Tất cả TT/Dữ liệu được xử lý và nhập vào hệ thống một lần nhưng có thể sử dụng được nhiều lần cho nhiều mục đích khác nhau; Trong quá trình xây dựng nguồn lực TT, cần xem xét bốn cấp quản trị: Cấp tài liệu gốc và/hoặc dữ liệu toàn văn; Cấp thư mục; Cấp tóm tắt và Cấp dữ kiện hoặc số liệu; Mỗi tài liệu đưa vào hệ thống phải qua các công đoạn, tuân thủ đúng quy trình và các chuẩn nghiệp vụ bảo đảm cho việc bao gói, lưu trữ, bảo quản (sao lưu) khai thác, chia sẻ, chuyển đổi dữ

Nghiên cứu - Trao đổi

liệu ở mức an toàn và chuẩn xác. Bảo đảm được vấn đề an ninh dữ liệu, an toàn TT trong quá trình hoạt động.

Ba là, nội dung HĐH. TVQĐ cần kiên trì thực thi những nội dung sau đây:

- Quan điểm mới về vai trò của cơ quan TT-TV

Trong thời gian tới, việc HĐH phải giúp TVQĐ vượt qua khuôn khổ chức năng truyền thống vốn chỉ là ‘kho chứa sách’ để thực hiện ba vai trò sau đây:

+ Là nhà quản trị nguồn lực TT: TT trong Bộ Quốc phòng không chỉ là nguồn lực, là tài sản của quân đội mà còn là tài sản vô cùng quan trọng của quốc gia. Nếu những TT này được quản lý tốt, được cung cấp đến tận tay người dùng tin trong toàn quân thì sẽ mang lại rất nhiều lợi ích cho sự phát triển của khoa học quân sự nói riêng và phát triển quân đội Việt Nam nói chung.

+ Là nhà cung cấp TT: vai trò này xuất hiện rất sớm ở cơ quan TV trong thời đại TT. TT trong các tài liệu là hệ tuần hoàn của từng cơ quan và của toàn xã hội. Trong các cơ quan, đơn vị quân đội, người dùng tin thiếu nhiều TT cần thiết trong quá trình tác nghiệp và các cơ quan TT-TV phải là nơi đáp ứng nhu cầu TT tiềm tàng này của các đơn vị trong quân đội

+ Là nhà sản xuất và cung cấp loại hàng hoá xã hội đặc biệt: trong xã hội hiện đại, TT là một nguồn lực và là hàng hoá đặc biệt. Để góp phần tạo lập thị trường TT, các cơ quan TT-TV trong quân đội phải đưa ra các sản phẩm với các tiêu thức của hàng hoá như có giá trị và giá trị sử dụng, góp phần tích cực để hình thành thói quen chấp nhận việc thanh toán sản phẩm hàng hoá đó trong một bộ phận các đơn vị quân đội, đặc biệt là các đơn vị làm kinh tế trong quân đội.

- Chính sách thông tin

Xác lập các quy chế kiểm soát, thu thập, xử lý, bảo quản nguồn tin quân sự trong nước, trong đó đặc biệt chú ý việc xây dựng: Các quy định về các điều kiện kỹ thuật của việc bảo quản ở các kho lưu giữ thông tin/tài liệu; Các chính sách về chuyển giao, giao nộp, lưu trữ, khai thác, phổ biến, trao đổi thông tin/tài liệu trong toàn quân, đặc biệt chú ý đến chính sách giao nộp lưu chiểu và quản lý các tài liệu nội sinh của toàn Bộ Quốc phòng; Các quy định về kinh phí, điều hành triển khai các dự án về lưu giữ và cung cấp thông tin/tài liệu; Xác lập và ban hành các tiêu chuẩn nghiệp vụ TT-TV thống nhất trong toàn quân với sự hướng dẫn, chỉ đạo về mặt nghiệp vụ của TVQĐ.

- Đổi mới phương thức hoạt động

Chuyển từ mô hình hoạt động “đóng”, “khép kín” sang mô hình hoạt động mở, thực hiện tích cực việc tương tác, trao đổi TT với các cơ quan TT-TV trong và ngoài hệ thống; Chuyển từ mô hình hoạt động thủ công sang mô hình tin học và mạng hóa; Chuyển việc phát triển hệ thống TT-TV theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, mang tính mệnh lệnh hành chính, sang cơ chế định hướng theo quan hệ cung cầu dưới sự chỉ đạo của các cơ quan chức năng; Cung cấp các dịch vụ nhằm thu hút người dùng tin: Phát triển dịch vụ mượn liên thư viện; Cung cấp các trợ giúp trên mạng và hướng dẫn người dùng tin; Nghiên cứu và phát triển các dịch vụ mới như các sản phẩm TT có giá trị gia tăng, tạo ra các kỹ năng định hướng vào TT và tri thức, các kênh cung ứng tài liệu mới và nhóm các hoạt động nhằm hỗ trợ việc đổi mới, quyết định, học tập,... thông qua sự tác động lẫn nhau trong môi trường TT. Ví dụ như dịch vụ cung cấp, cập nhật TT về các tổ chức và chiến lược

quân sự và quốc phòng của các nước, dịch vụ cung cấp danh mục tài liệu về một chủ đề, lĩnh vực xác định, dịch vụ tóm tắt TT, dịch vụ báo gói và phân tích TT,...; Mở rộng mạng kết nối các nhà xuất bản, trung tâm phát hành,... giúp cho việc tìm kiếm tài liệu điện tử được dễ dàng và cập nhật; Tạo ra môi trường tốt cho cộng đồng người dùng tin tích cực như: nhà quản lý, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp tham gia vào việc lập kế hoạch, chiến lược phát triển hoạt động TT-TV trong quân đội từ nhiều phương diện như: chiến lược phát triển vốn tài liệu quân sự, sản phẩm và dịch vụ của cơ quan TT-TV, định giá cho các sản phẩm và dịch vụ TT,... tạo cơ sở cho cơ quan TT-TV trong quân đội phát triển dựa trên nhu cầu thực sự của các đơn vị; Tổ chức các hoạt động giao tiếp với người dùng tin nhằm cung cấp TT, quảng bá hình ảnh nhằm mục đích xây dựng thương hiệu (uy tín) của TVQĐ; Tiến hành thường xuyên và có hệ thống việc đào tạo về kỹ năng khai thác và sử dụng TT và thông báo cho người dùng tin về lợi ích của các dịch vụ cơ quan TT; Liên kết chặt chẽ với các chương trình HĐH quân đội và cộng đồng người dùng tin trong quân đội; Mở rộng các điểm truy cập TT tới các điểm TT-TV tại các đơn vị quân đội; Chủ động tương tác và hội nhập với thế giới để trao đổi TT/TL và tri thức.

- Xây dựng và phát triển nguồn lực thông tin điện tử quân sự

Xây dựng các CSDL thư mục quân sự: Xây dựng mục lục liên hợp quân sự quốc gia; Xây dựng danh mục các ấn phẩm định kỳ quân sự trong và ngoài nước; Xây dựng CSDL thư mục quân sự; Tạo lập danh mục các ấn phẩm quân sự nước ngoài,...; *Xây dựng các bộ sưu tập số:* Xây dựng các bộ sưu tập số về: “Cuộc đời, sự nghiệp các

tướng lĩnh Việt Nam”, “Anh hùng quân đội Việt Nam qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ”, “Lịch sử các đơn vị quân đội nhân dân Việt Nam”, “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, “Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”, “Kháng chiến chống Pháp”, “Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Nhà nước của Bộ Quốc phòng”, “Luận văn, luận án sau đại học thuộc các trường quân sự”, “Các tác phẩm văn học viết về đề tài chiến tranh và quân đội Việt Nam”, “Các nhà văn, nhà thơ quân đội”, “Công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội”,...; Cập nhật và mua các CSDL quân sự nước ngoài trực tuyến; Xây dựng đề án tạo lập bộ CSDL quân sự quốc gia và nguồn tin số hoá về từng lĩnh vực xác định.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

Xây dựng cơ sở hạ tầng TT tại TVQĐ đủ mạnh, làm đầu tàu tiến tới đảm bảo việc tạo dựng một không gian TT quân sự số kết nối các TV trong toàn quân với mạng toàn cầu nhằm làm tăng vị thế của hệ thống TT quân sự so với các hệ thống TT khác trong cả nước cũng như với các mạng TT quân sự của các nước trong khu vực và quốc tế; Tổ chức sắp xếp hệ thống dữ liệu điện tử đã số hóa để phục vụ việc lưu giữ, quản lý và khai thác hiệu quả; Thiết lập hệ thống mạng tra cứu TL/TT được quản trị trong từng đơn vị quân đội.

- Phát triển nhân lực TT-TV trong cơ quan đầu ngành của hệ thống thư viện quân đội

Để vận hành, quản lý hiệu quả một thư viện hiện đại hay một hệ thống TT-TV hiện đại, ngoài những cán bộ làm các công việc mang tính chất thao tác kỹ thuật, cần phải có một đội ngũ cán bộ TT-TV chuyên nghiệp, có tầm bao quát về các vấn đề liên quan đến hệ thống. Trước mắt, về cơ cấu,

Nghiên cứu - Trao đổi

có thể xác định đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp bao gồm ba loại cán bộ sau đây: Cán bộ xử lý, phân tích TT quân sự; Cán bộ quản trị, vận hành và phát triển hệ thống mạng TT-TV trong toàn quân; Cán bộ nghiên cứu và triển khai nghiệp vụ TT-TV trong toàn quân. Tương ứng với mỗi loại cán bộ trên đây, cần xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ thích hợp. Cần có quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ TT-TV quân sự chuyên nghiệp này theo cả hai hướng: cán bộ khoa học về TT (nghiên cứu các vấn đề mang

tính lý luận về khoa học thông tin) và cán bộ thực hành nghề nghiệp về công tác TT (xử lý, phân tích, đánh giá TT).

Tóm lại, thời gian qua, tuy đã nỗ lực với bước tiến đáng kể, song so với các hệ thống TT-TV trong và ngoài nước khác, TVQĐ vẫn có phần còn lạc hậu với những khoảng cách cần sớm được san lấp. Việc sớm có chương trình HDH TVQĐ và kiên trì thực hiện chương trình này sẽ là một giải pháp cơ bản nhằm góp phần đưa TVQĐ sớm trở thành TV tiên tiến, phù hợp với yêu cầu HDH quân đội và đáp ứng những đòi hỏi

Tài liệu tham khảo

1. Pháp lệnh thư viện. Số 31/2000/PL-UBTVQH10
2. Nghị định của Chính phủ số 72/2002/NĐ CP: Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thư viện
3. Quyết định Số 10/2007/QĐ-BVHTT, Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Thư viện Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.
4. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI.- H.: Chính trị Quốc gia, 2011
5. Công tác thư viện – thông tin trong Quân đội nhân dân Việt Nam: tài liệu nghiệp vụ dùng cho cán bộ thư viện.-H.: Văn học, Thư viện Quân đội, 2012.-215tr.
6. Konxepxia radvitija nationalnoi informaxionnoi sistemur. (Hệ quan điểm phát triển Hệ thống thông tin Quốc gia) .- Những vấn đề phát triển hệ thống thông tin. MXNTI, 1992, No 7 (Tiếng Nga).
7. Kỷ yếu Thư viện QĐ và Hệ thống thư viện toàn quân – 55 năm xây dựng và phát triển.- H.: Thư viện Quân đội, 2012.- 197 tr.
8. Nguyễn Hữu Hùng. Cơ sở khoa học và thực tiễn hiện đại hóa hệ thống thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Đề tài nghiên cứu cấp Bộ. H., Bộ KH&CN, 2005.
9. Nguyễn Hữu Hùng. Hệ quan điểm xây dựng và phát triển hệ thống thông tin phục vụ quy hoạch lãnh thổ và phát triển lực lượng sản xuất. Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước. H.: Ủy ban phân vùng kinh tế Trung ương, 1989.
10. Nguyễn Hữu Hùng. Thông tin: Từ lý luận tới thực tiễn. H.: Văn hóa - thông tin, 2005, 835 tr.
11. Trần Nữ Quế Phương. Vấn đề phát triển nguồn lực thông tin điện tử trong các thư viện hiện nay. Tạp chí Thư viện Việt Nam, 2011, số 5(31) tr. 26 - 32.
12. Trần Nữ Quế Phương. Luận bàn về quan điểm hiện đại hóa hệ thống thư viện quân đội. Tạp chí Thư viện Việt Nam, tháng 9/2012.
13. Trần Nữ Quế Phương. Hiện đại hóa nguồn lực thông tin thư viện trường học góp phần nâng cao chất lượng đổi mới giáo dục. Chuyên san Sách giáo dục và Thư viện trường học. H. Giáo dục, 2012.
14. Trần Nữ Quế Phương. Hoàn thiện và phát triển hệ thống sản phẩm, dịch vụ thông tin-thư viện tại Thư viện Quân đội: Luận văn thạc sỹ khoa học. H.: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2009.
15. Trần Nữ Quế Phương. Một số vấn đề về số hóa tài liệu. Chuyên san Sách giáo dục và Thư viện trường học.- H.: Giáo dục, 2013.
16. Từ điển tiếng Việt 2010.-Đà Nẵng.: Nxb. Đà Nẵng, 2010.-1565tr.
17. Vương Trí Nhàn. Nhà văn tiên chiến và quá trình hiện đại hóa. H., Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 12-8-2013; Ngày phản biện đánh giá: 15-9-2013; Ngày chấp nhận đăng: 20-9-2013).